TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC **P – ISSN 3030 - 4644**
Hong Duc University Journal of Science **E – ISSN 3030 - 4652**

CẢNH QUAN XỨ THANH TRONG THƠ NGUYỄN MINH KHIÊM
LANDSCAPES OF XU THANH IN NGUYEN MINH KHIEM'S POETRY

Đàm Thị Tâm[1,*]
Lê Tú Anh[2]

[1] Trường TH, THCS&THPT Hồng Đức, Trường Đại học Hồng Đức
[2] Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức
[1,*]: Tác giả liên hệ: damthitam@hdu.edu.vn

DOI: *https://doi.org/10.70117/hdujs.3030-4652.91.10.2026.1294*

Ngày nộp bài: 15/04/2026; Ngày gửi phản biện: 16/5/2026; Ngày duyệt đăng: 30/10/2026

Từ khóa: Nguyễn Minh Khiêm, cảnh quan Xứ Thanh, phê bình cảnh quan.

TÓM TẮT

Xứ Thanh là vùng đất giàu có về cảnh quan địa văn hóa, đồng thời là nơi kết tinh truyền thống lịch sử oai hùng, gắn liền với những thăng trầm nhiều thế kỷ của dân tộc Việt Nam. Sinh ra, lớn lên và gắn bó với mảnh đất này, Nguyễn Minh Khiêm coi Xứ Thanh như một nguồn cảm hứng thơ ca mạnh mẽ. Tiếp cận thơ Nguyễn Minh Khiêm từ góc nhìn cảnh quan, bài viết tập trung làm rõ sự gắn kết giữa cảnh quan địa lý và cảnh quan văn hóa, khám phá chiều sâu tâm thức và căn tính bản địa rõ nét trong sáng tác của một nhà thơ giàu lòng yêu quê hương xứ sở. Kết quả nghiên cứu này không chỉ đưa đến cái nhìn mới về giá trị thơ ông, mà còn góp phần khẳng định một hướng nghiên cứu mới về mối quan hệ giữa con người và không gian sống.

Keywords: Nguyen Minh Khiem, landscape of Thanh Hoa province, landscape criticism.

ABSTRACT

Thanh Hoa province is a land rich in cultural and geographical landscapes, a place where glorious historical traditions are crystallized, intertwined with the ups and downs of the Vietnamese nation through centuries. Born, raised, and deeply connected to this land, Nguyen Minh Khiem considers Thanh Hoa a powerful source of poetic inspiration. In the artistic world of Nguyen Minh Khiem's poetry, the landscape of Thanh Hoa always reflects the people of this region, appearing with many unique and distinctive characteristics. This content not only creates value for his poetry but also contributes

to enriching modern Vietnamese poetry. From a landscape criticism perspective, this article aims to highlight the unique features of the Thanh Hoa landscape in Nguyen Minh Khiem's poetry.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nguyễn Minh Khiêm sinh năm 1953 tại Thanh Hóa, có thành tựu sáng tác khá phong phú, dày dặn và tạo được những dấu ấn cá nhân trong đời sống văn học đương đại. Trong những sáng tác của mình, nhất là thơ, ông dành nhiều trang viết về Xứ Thanh – mảnh đất "địa linh nhân kiệt", nơi ông sinh ra, lớn lên và gắn bó sâu nặng, máu thịt. Đọc thơ Nguyễn Minh Khiêm, người đọc sẽ thấy Xứ Thanh hiện ra trong nhiều dạng thức, chiều kích không – thời gian khác nhau, gợi ra chiều rộng của sự đa dạng địa lý, chiều sâu của văn hóa, lịch sử.

Dù thơ Nguyễn Minh Khiêm đã thu hút được sự quan tâm của khá nhiều người đọc, cả người đọc chuyên nghiệp, song phần lớn các nghiên cứu vẫn chủ yếu đánh giá thành công của tác phẩm trên các phương diện nội dung và đặc trưng thể loại. Một sự khám phá chuyên sâu từ góc độ cảnh quan đến nay vẫn chưa xuất hiện.

Trên cơ sở đó, bài viết vận dụng lý thuyết phê bình cảnh quan để khảo sát thơ Nguyễn Minh Khiêm, qua thế giới hình tượng cảnh quan, tập trung nhận diện những dạng thức cảnh quan nổi bật, phân tích mối quan hệ giữa không gian tự nhiên, không gian văn hóa – lịch sử và chủ thể trữ tình, từ đó làm rõ ý nghĩa của cảnh quan trong việc kiến tạo bản sắc Xứ Thanh và biểu đạt phong cách thơ Nguyễn Minh Khiêm. Chúng tôi hy vọng kết quả nghiên cứu này sẽ bổ sung một cách tiếp cận mới, góp phần khẳng định giá trị thơ Nguyễn Minh Khiêm trong bức tranh thơ Thanh Hóa nói riêng, thơ Việt Nam đương đại nói chung.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chúng tôi tiếp cận thơ Nguyễn Minh Khiêm từ lý thuyết phê bình cảnh quan và sử dụng một số phương pháp chủ yếu như:

- *Phương pháp phân tích*: phương pháp này được sử dụng để phân tích và tổng hợp lý thuyết, phân tích thơ Nguyễn Minh Khiêm và các tài liệu liên quan để làm sáng rõ các luận điểm nghiên cứu.

- *Phương pháp so sánh*: phương pháp này được sử dụng để so sánh các nội dung trong thơ Nguyễn Minh Khiêm và so sánh thơ của Nguyễn Minh Khiêm với thơ của một số tác giả khác cùng viết về Xứ Thanh, từ đó chỉ ra tương đồng và đặc sắc của cây bút này.

- *Phương pháp tiểu sử học*: vận dụng những yếu tố về tiểu sử nhà thơ vào việc lý giải mối quan tâm và nét riêng của thơ Nguyễn Minh Khiêm viết về Xứ Thanh.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khái quát về Xứ Thanh và Phê bình cảnh quan

3.1.1. Khái quát về Xứ Thanh

Nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa Bắc Bộ và Trung Bộ, Xứ Thanh là một vùng đất đặc biệt của Việt Nam. Nơi đây hội tụ đầy đủ các dạng địa hình từ miền núi, trung du, đồng bằng, miền biển. Sự đa dạng của địa hình, thời tiết đã tạo nên cảnh quan bốn mùa và một thế giới tự nhiên phong phú, vừa hùng vĩ, khoáng đạt, vừa trù phú, trữ tình, đem đến cho con người nhiều trải nghiệm đặc sắc. Cũng bởi vậy, Xứ Thanh là nơi sinh sống của nhiều tộc người như Kinh, Mường, Thái, Thổ... Chính sự đa dạng các dân tộc đã thúc đẩy tương tác, gắn kết cộng đồng trong một không gian văn hóa đa sắc. Vùng đất này cũng là nơi lưu giữ nhiều loại hình sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng như tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng thờ Thần Độc Cước, các lễ hội làng, lễ hội Lam Kinh, lễ hội Đền Bà Triệu và nhiều trò diễn dân gian độc đáo như hò sông Mã, trò diễn Xuân Phả... Suốt chiều dài lịch sử hàng nghìn năm, Xứ Thanh ngoài những tên gọi Ái Châu, Thanh Hoa, Tây Đô..., còn được định danh bằng các tên khác như "vùng đất Lam Sơn", "vùng đất đế vương", "nền văn minh sông Mã"… Gắn với những định danh ấy là chiều dài lịch sử với nhiều nhân vật anh hùng, được mệnh danh là vùng "địa linh nhân kiệt". Những anh hùng, danh nhân như Bà Triệu, Lê Văn Hưu, Hồ Quý Ly, Lê Thái Tổ, chúa Tiên (Nguyễn Hoàng), chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên), Đào Duy Từ... không chỉ là niềm tự hào của một vùng mà của cả dân tộc. Do điều kiện tự nhiên vừa ưu đãi vừa khắc nghiệt, người Thanh Hóa nổi tiếng với tinh thần lao động bền bỉ, kiên cường, chịu thương chịu khó. Trong ứng xử, người Xứ Thanh thường mộc mạc, chân thành nhưng cũng rất mạnh mẽ, quyết đoán: "Người Xứ Thanh giàu lòng yêu nước, nhân ái, trọng đạo đức, trọng lẽ phải, tính cách mạnh mẽ; có khả năng to lớn trong cải tạo môi trường, hoàn cảnh sống cũng như cải tạo chính bản thân để tồn tại, phát triển." (Hà Nguyễn, 2016, p. 14).

Nhìn chung, Xứ Thanh là vùng đất hội tụ đầy đủ các dạng địa hình, thời tiết với cảnh quan thiên nhiên giàu sắc thái, hài hòa; có chiều dài lịch sử oai hùng, di sản văn hóa phong phú; người dân vừa mộc mạc, chân tình, vừa kiên cường, dũng cảm. Những yếu tố này cùng hội tụ tạo nên bản sắc riêng của một vùng đất, đồng thời góp phần tạo nên bức tranh văn hóa – lịch sử dài rộng của đất nước Việt Nam.

3.1.2. Khái lược về Phê bình cảnh quan

Xét về từ nguyên, thuật ngữ "cảnh quan" bắt nguồn từ ngôn ngữ của tộc Giéc-man, thuộc ngữ hệ Ấn – Âu. Vào khoảng thế kỷ XIII ở Hà Lan, "cảnh quan" (*Landschap*) nhằm chỉ một vùng đất hoặc môi trường. Đến khoảng thế kỷ XVII, cảnh quan được hiểu với nét nghĩa khác là "phong cảnh" (*Scenery*). Thời kỳ này, phong cảnh/cảnh quan gắn liền với nghệ thuật thị giác, bị chi phối bởi điểm nhìn (góc nhìn) của con người. Qua thời gian, "cảnh quan" trở thành một khái niệm trung tâm của ngành Địa lý học. Việc sử dụng cảnh quan như một khái niệm Địa lý được đánh dấu trong bài phát biểu của Otto Schlüter (1872–1959) tại Đại học München vào năm 1906 (dẫn theo Nguyễn Thị Thủy Tiên, 2025). Từ nền tảng lý thuyết đó, "cảnh quan" tiếp tục được mở rộng phạm vi ứng dụng sang các lĩnh vực nghiên cứu khác. *Landscape and Power* (1994) của Mitchell được coi là cuốn sách gối đầu giường của các nhà nghiên cứu muốn ứng dụng phê bình cảnh quan vào văn học, nghệ thuật và điện ảnh. Mitchell đề xuất không nên xem cảnh quan như một danh từ (một vật thể để ngắm nhìn) mà phải xem nó như một động từ (một quá trình định hình hành vi, tâm thức con người). Ông tập trung phân tích cách các nhà văn/nhà thơ, họa sĩ tái trình hiện không gian để truyền tải các thông điệp ngầm về căn tính, vùng đất, và khát vọng. Trên tinh thần đó, lý thuyết cảnh quan từng bước được mở rộng và trở thành một hướng nghiên cứu quan trọng trong địa văn hóa (Hirsch & O'Hanlon, 1995).

Qua khảo sát một số công trình, chúng tôi nhận thấy hướng tiếp cận cảnh quan có một số đặc điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, phê bình cảnh quan nhấn mạnh "điểm nhìn" của chủ thể

Cảnh quan luôn được kiến tạo thông qua điểm nhìn của một chủ thể. Điểm nhìn không chỉ là vị trí quan sát (thị giác) mà là vị thế văn hóa – xã hội của người quan sát. John Wylie trong công trình *Landscape: Key Ideas In Geography* cho rằng: "Các từ điển nói rằng phong cảnh là cảnh vật (scenery) – thứ được nhìn bằng mắt, bởi một cá nhân. Như vậy, cảnh quan không chỉ là bản thân vùng đất mà là vùng đất được nhìn từ một quan điểm hoặc một góc nhìn cụ thể… Đó là, cảnh quan hình thành trong phạm vi nhận thức và trí tưởng tượng của con người" (Nguyễn Thị Thu Thủy & Hoàng Cẩm Giang, 2023, pp. 9–10). Cảnh quan vừa là đối tượng thuộc về thế giới vật chất bên ngoài (khách thể), vừa là sản phẩm của sự tri nhận từ một điểm nhìn (chủ thể). Tri nhận về cảnh quan bao gồm quá trình: quan sát – nhận thức – tái diễn giải (sự giao thoa qua lại giữa khách quan và chủ quan). Nghĩa là, cảnh quan không trừu tượng (dù nói về một địa danh nào đó), mà nó phải gắn với chủ thể kiến tạo. Tùy vào cảm xúc, trí tưởng tượng, năng lực ngôn ngữ, ngữ cảnh thời gian... mỗi nhà thơ/nhà văn, trên chất liệu sẵn có, sẽ kiến tạo nên một cảnh quan khác biệt so với các chủ thể (tác giả) khác.

Thứ hai, không gian sống là thành tố quan trọng trong nghiên cứu cảnh quan

Để làm rõ khái niệm "space" (*không gian*), Yi-Fu Tuan phân biệt nó với "place" (*địa điểm*). Ông cho rằng, "Không gian trừu tượng hơn địa điểm. Cái ban đầu là không gian vô định sẽ trở thành địa điểm khi ta hiểu rõ hơn về nó và gán cho nó giá trị" (Yi-Fu Tuan, 1997). Nghĩa là, không gian là một khoảng không vật lý, nhưng khi con người sống trong đó, trải nghiệm và gán cho nó những giá trị (ký ức, văn hóa, cảm xúc…), thì không gian ấy trở thành địa điểm. Vì vậy, nghiên cứu cảnh quan phải gắn kết không gian sống với các thành tố khác như: tự nhiên (địa hình, khí hậu, thảm thực vật…), văn hóa – lịch sử (phong tục, tín ngưỡng…), quyền lực xã hội, cảm quan thẩm mỹ của chủ thể kiến tạo... Việc nghiên cứu cảnh quan đòi hỏi người đọc phải tìm ra được ý nghĩa xã hội đằng sau những biểu tượng thiên nhiên, không gian sinh hoạt mà tác giả trình hiện trong mỗi tác phẩm, qua đó, bản sắc cá nhân và cộng đồng được hình thành và tái khẳng định. Những ý nghĩa xã hội được gợi ra sẽ cho thấy tiềm năng của phê bình cảnh quan trong việc tiếp cận văn học, góp phần tạo nên diện mạo mới trong nghiên cứu, phê bình văn học đương đại. Mặc dù vậy, hướng tiếp cận văn học từ lý thuyết cảnh quan vẫn còn khá mới mẻ ở Việt Nam.

Theo tinh thần phê bình cảnh quan, không gian sống là sản phẩm của quá trình tri nhận và kiến tạo nghĩa. Vì vậy, khi khảo sát thơ Nguyễn Minh Khiêm, chúng tôi phân tích cảnh quan Xứ Thanh trên các bình diện: văn hóa (cảnh quan lưu giữ bản sắc vùng miền, ký ức cộng đồng…); sinh thái (mối quan hệ giữa con người với tự nhiên); ý thức hệ (cảnh quan được nhìn từ điểm nhìn nào, gắn với ý thức văn hóa và căn tính cội nguồn ra sao), thẩm mỹ (cảnh quan là nguồn cảm hứng để tác giả kiến tạo nghĩa trong thơ ca).

Thứ ba, phê bình cảnh quan mang tính liên ngành

Phê bình cảnh quan (Landscape criticism) ra đời từ nhu cầu vượt qua cách nhìn cảnh quan thuần thị giác, để hiểu nó như một hiện tượng văn hóa, xã hội – lịch sử phức hợp. Theo Nguyễn Thị Thu Thủy và Hoàng Cẩm Giang, phê bình cảnh quan (Landscape criticism) là một lĩnh vực mang tính liên ngành, "trong địa hạt văn hóa, nó nằm ở điểm giao của khoa học địa lý và nhân văn, của khoa học môi trường và kiến trúc, của lịch sử xã hội và mĩ học, đồng thời liên đới chặt chẽ đến nghiên cứu không gian như là một thành tố của thi pháp nghệ thuật" (Nguyễn Thị Thu Thủy & Hoàng Cẩm Giang, 2023, p. 9). Lý thuyết này tập trung nghiên cứu cách cảnh quan được trình hiện, diễn giải trong tác phẩm văn học để khám phá ý nghĩa văn hóa, chính trị và xã hội của chúng. Hướng nghiên cứu này có tiềm năng liên đới với một số vấn đề lớn, mang tính thời sự như sinh thái, môi trường, kiến trúc, điện ảnh… Do đó, việc phân tích cảnh quan đòi hỏi nhiều lý thuyết liên ngành như Địa lý học, Kiến trúc, Triết học, Sinh thái học, Giới… Trần Ngọc Hiếu cho rằng, cảnh quan hoàn toàn có thể "trở thành tâm điểm cho nhiều thực hành nghiên cứu khác" bởi "con mắt chúng ta nhìn đến đâu

thì diễn ngôn chạy đến đó, tức là nó đã liên quan tới việc chúng ta muốn tổ chức, chúng ta muốn tạo nghĩa cho nó (…). Và các nghĩa đó giao cắt, loại trừ, cộng hưởng, đối thoại với nhau" (Nguyễn Hà, 2023). Do vậy, có rất nhiều lĩnh vực có thể vận dụng lý thuyết phê bình cảnh quan, trong đó có văn học. Ngược lại, phê bình cảnh quan trong nghiên cứu văn học cần vận dụng kiến thức của nhiều lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật khác.

3.2. Cảnh quan Xứ Thanh – những kiến tạo giàu bản sắc trong thơ Nguyễn Minh Khiêm

Xứ Thanh với sự đa dạng về địa – văn hóa được tái hiện rất phong phú trong thơ Nguyễn Minh Khiêm. Trong đó, nhiều dạng không gian được ông đặc biệt quan tâm, coi như những điểm đặc sắc, riêng có ở vùng đất này như: không gian miền núi cao (Mường Lát), không gian gắn với dòng sông Mã, không gian biển (Sầm Sơn), không gian lịch sử – văn hóa.

3.2.1. Không gian miền rừng núi cao

Thơ Nguyễn Minh Khiêm có nhiều bài lấy cảm hứng từ miền rừng núi Xứ Thanh: có khi là từ một địa danh cụ thể như Thác Mây (*Thác Mây*), Pù Nhi (*Pù Nhi*), Pù Luông (*Sấm Pù Luông*), Cổng Trời (*Cổng Trời*, *Rừng Cổng Trời*, *Lên Cổng Trời trong mưa*), Mường Lát (*Lũ Mường Lát*); có khi là những cảm nhận chung (*Rừng lặng*, *Rừng xưa*, *Bài học ở rừng*, *Bạn rừng già*, *Núi*). Trong sự quan sát của Nguyễn Minh Khiêm, rừng Xứ Thanh, tại khu vực Cổng Trời – một địa điểm nổi tiếng của huyện Mường Lát (nay là xã Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa) có hệ sinh thái tự nhiên đa dạng, phong phú: "Với muôn vàn loài hoa/ Với muôn vàn loài quả/ Với muôn vàn loài củ/ Không kể hết được tên/ Trăm loài bướm thần tiên/ Trăm loài ong làm mật..." (*Rừng Cổng Trời*). Điệp cấu trúc "Với..." và điệp từ "muôn vàn", tạo nên âm hưởng về sự dồi dào vô tận của hệ sinh thái rừng nơi đây. Thao tác liệt kê cũng cho thấy nhà thơ đang quan sát cận cảnh, đang đi giữa rừng, đang đứng giữa thiên nhiên với một tâm trạng đầy háo hức. Ở một bài khác, ông tái hiện sinh thái rừng Mường Lát trong dạng nguyên sinh với nhiều loài động vật quý: "Đang ngắm bầy chim lửa/ Đàn nai vụt qua người/ Ngồi trên dấu chân cọp/ Đề thơ lên Cổng Trời" (*Cổng Trời*). Đây rõ ràng không phải cảm xúc hoài niệm mà là sự tiếp xúc cận cảnh, tại thời điểm cảnh vật đang hiện ra. Điều này cho thấy Nguyễn Minh Khiêm đã say mê khám phá núi rừng từ rất sớm. Việc nhấn mạnh sự phong phú của hệ động thực vật cũng cho thấy nhà thơ rất coi trọng tự nhiên, xem thiên nhiên như là cội nguồn của sự sống, là nguồn dinh dưỡng quý giá cho cuộc sống của con người.

Bên cạnh vẻ đẹp sinh thái tự nhiên, không gian rừng núi Xứ Thanh còn được Nguyễn Minh Khiêm nhấn mạnh ở sự kỳ vĩ, dữ dội, nhất là khi địa hình rừng kết hợp với những "tình huống" khí hậu khắc nghiệt (*Lũ Mường Lát*, *Lên Cổng Trời trong*

mưa). Trong không gian ấy, ngay cả với người lính – những người kiên cường nhất, vẫn là một thử thách lớn. Bởi vậy, nhà thơ đặt vào giữa cảnh quan núi rừng hình ảnh người lính như một cách để làm nổi bật phẩm chất kiên trung của họ. Bài thơ *Múa hoa sen ở rừng biên giới* tuy không đề cập một địa danh cụ thể nào, nhưng những câu thơ đầy tính tạo hình vẫn khiến người đọc hình dung về cảnh rừng núi hiểm trở, là địa bàn chiến đấu để giữ gìn từng tấc đất thiêng liêng của tổ quốc:

> "Bên chiến hào trận địa vừa yên
> Áo bộ binh còn chạt mùi thuốc súng
> Cả đơn vị quây quần trong thung lũng
> Gõ nứa rừng vui điệu múa hoa sen".

Giữa rừng núi hiểm trở, lại là nơi chiến hào/trận địa, con người thường không có nhiều cảm xúc về cái đẹp. Lạ thay, ngay cả khi áo quần còn "chạt mùi thuốc súng", chỉ bằng thanh nứa rừng, người lính đã vui với điệu múa hoa sen. Cách cảm nhận về người lính và kiến tạo không gian đời lính của Nguyễn Minh Khiêm, ngay lập tức khiến người ta liên tưởng đến người lính trong đoàn quân Tây Tiến của nhà thơ tài hoa Quang Dũng năm nào: "Mắt trừng gửi mộng qua biên giới/ Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm" (*Tây Tiến*). Mặc dù lạc quan trong gian khổ – một phẩm chất tốt đẹp, riêng có của anh bộ đội Cụ Hồ trong thời đại Hồ Chí Minh, nhưng đặt trong tương quan với người lính trong bài thơ của Quang Dũng, người lính trong *Múa hoa sen ở rừng biên giới* vẫn có điểm khác biệt. Nếu người lính trong *Tây Tiến* gợi ra dáng vẻ hào hoa của thanh niên, sinh viên Hà Nội trong những năm đầu tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp; thì người lính trong *Múa hoa sen ở rừng biên giới* gợi lên tư thế khỏe khoắn và tinh thần lạc quan, niềm tin son sắt không gì lay chuyển nổi. Thay vì mơ về một "dáng kiều thơm", người thương binh trong bài thơ của Nguyễn Minh Khiêm đang "vẽ ảnh Bác dưới trăng". Và dù máu đã đổ ("Máu vón cục trên lá rừng lem cháy"), đã có thiệt hại, thương vong trước sự tấn công không ngừng của giặc ("Đạn kẻ thù từ phía xa vẫn đì đùng chớp lại"), nhưng người lính với sức mạnh từ niềm tin tuyệt đối vào Bác Hồ và tình yêu, niềm tự hào dân tộc (từ biểu tượng sen nở quanh ảnh Bác), vẫn ngời lên tinh thần lạc quan, kiêu hãnh.

Miền núi cao trong cảm nhận của Nguyễn Minh Khiêm còn mang vẻ đẹp trữ tình, thơ mộng. Pù Nhi cũng là một địa danh tạo được ấn tượng mạnh với ông. Trong bài *Pù Nhi,* không gian ba chiều được tạo bởi sự cộng hưởng của vẻ đẹp thiên tạo và nhân tạo: "Sáo Mèo chót vót lưng Pha Đén/ Hoa ban trùng điệp sáng Cổng Trời/ Pù Nhi rực rỡ đào khoe sắc/ Ta gặp lại mình tuổi hai mươi". Tiếng sáo Mèo đẩy không gian lên cao chót vót, vời vợi tận lưng núi Pha Đén – ngọn núi có độ cao 1.200–1.500 m so với mực nước biển, hay người thổi sáo ở lưng núi cao đẩy không gian rộng về tứ phía, sâu xuống chân núi theo tiếng sáo trầm ấm của mình, đều đem đến cảm nhận về

một không gian có cả chiều sâu/cao và chiều dài, rộng. Trước cảnh ấy, chủ thể trữ tình thấy mình như trẻ lại tuổi hai mươi – tuổi đẹp nhất của đời người. Cũng là vẻ đẹp lãng mạn của núi rừng nhưng cảnh quan Pù Nhi trong cảm nhận của Nguyễn Minh Khiêm khác với cảnh hồ Cửa Đạt trong thơ Văn Đắc: "Nửa mây dưới nước đi theo thuyền/ Nửa mây trên trời đứng đợi/ Thủy cung và thiên đường/ Với ta thành một cõi" (*Đi thuyền hồ Cửa Đạt*). Nếu Pù Nhi được bao quát từ điểm nhìn trên cao, thì hồ Cửa Đạt được hình dung ở trung tâm của không gian mặt phẳng. Không gian Pù Nhi được đẩy về tứ hướng, không gian Cửa Đạt được hội tụ trong giao điểm mặt hồ. Thêm vào đó, sắc màu rực rỡ của hoa ban, hoa đào và âm vang của tiếng sáo Mèo xuất hiện cùng lúc làm cho cảnh quan Pù Nhi mang hơi thở cuộc sống của con người. Chủ thể trữ tình hiện diện đúng vào thời điểm ấy, bằng khả năng nhạy bén của các giác quan và tình yêu cuộc sống tràn đầy, đã tạo nên cảnh riêng có trong thơ Nguyễn Minh Khiêm.

Qua những vần thơ viết về rừng núi Xứ Thanh, có thể thấy, Nguyễn Minh Khiêm đã quan sát và cảm nhận cảnh vật từ chiều sâu lịch sử – văn hóa. Thiên nhiên rừng núi Xứ Thanh trong thơ ông vừa giàu sinh thái tự nhiên, vừa gắn bó mật thiết với con người trong những năm tháng chiến đấu nơi biên cương. Từ điểm nhìn ấy, cảnh quan đã trở thành đối tượng thẩm mỹ để Nguyễn Minh Khiêm kiến tạo vẻ đẹp bền bỉ, kiên cường của con người Xứ Thanh.

3.2.2. Không gian gắn với dòng sông Mã

Sông Mã cũng là một chỉ dấu của cảnh quan Xứ Thanh, được thể hiện sinh động và đặc sắc trong thơ Nguyễn Minh Khiêm. Bắt nguồn từ hợp lưu các suối ở phía Nam tỉnh Điện Biên, sông Mã "uốn lượn" theo hướng Tây Bắc – Đông Nam qua xã Sông Mã của tỉnh Sơn La sang Lào. Rồi như hành trình tìm kiếm "người tình" của mình, sông Mã đổ vào cửa khẩu Tén Tằn (Mường Lát) để về với Xứ Thanh. Nguyễn Minh Khiêm sinh ra và lớn lên ở làng Yên Trung – một làng nhỏ vùng hạ lưu sông Mã, nên có tình cảm đặc biệt với dòng sông là điều dễ hiểu. Nhưng ông không miêu tả sông Mã như một dòng chảy tự nhiên, cũng không chỉ là dòng chảy ký ức êm đềm gắn với tuổi thơ của mỗi người, mà tái hiện dòng sông với rất nhiều đặc tính của nó. Con sông hiền hòa, gần gũi (*Sông Mã vẫn chảy bên chái nhà ta*). Con sông miệt mài, cặm cụi chở phù sa bồi đắp cho đồng bằng (*Một góc phù sa*, *Sông*, *Dòng sông không ngủ*). Con sông là nơi lưu dấu kỷ niệm (*Ru bến sông xưa*, *Sông con*, *Sông Mã hồn tôi*). Con sông là biểu tượng của sự trường tồn, vĩnh hằng (*Sông quên tuổi mình*). Con sông là biểu tượng của sự đổi thay (*Sông vừa đi vừa lớn*)...

Ngắm nhìn quá trình "sinh trưởng" của sông, nhà thơ viết: "Một đời sinh ra để chảy/ Băng qua tất cả mọi thác ghềnh" (*Sông*). Dòng chảy là bản chất tồn tại của sông, bởi vậy, nó trở thành ẩn dụ cho đời người, cho lịch sử của một vùng đất anh hùng. Nguyễn Minh Khiêm khai thác khía cạnh đó để ẩn dụ về dòng chảy văn hóa:

"Mấy nghìn năm lặng lẽ nuôi quê

Mở con sóng nghe thác ghềnh vật vã
Hạt phù sa mang tên sông Mã
Soi phía nào cũng quặn xoắn bão giông
Thành điệu hò ngọt cây lúa trĩu bông
Thành chim hạc trống đồng ca dao tục ngữ
Thành súng thành gươm thành cung thành nỏ
Thành Mai An Tiêm, thành Độc Cước, ông Vồm
(...)
Băng qua triệu năm để sống giữa hồn người
Dô tả dô tà đội đèn tạ nghĩa
Chạm giọt nước chạm mênh mang lòng mẹ
Thăm thẳm vọng về sông Mã hồn tôi."

(*Sông Mã hồn tôi*)

Chỉ một bài thơ ngắn, cảm xúc trong hiện tại (chạm vào nước sông), hòa quyện với cảm xúc về lịch sử thẳm sâu, bài thơ về sông Mã của Nguyễn Minh Khiêm đã đánh thức nhiều giác quan và miền ký ức của mỗi người đọc. Sông Mã trở thành biểu tượng cho sự trường tồn, là hiện thân của một trầm tích văn hóa ở một vùng đất – Xứ Thanh. Cùng viết về con sông này nhưng Huy Trụ với bài *Sông Mã* chỉ nhấn mạnh đến đặc tính địa hình dòng sông là lắm thác nhiều ghềnh và đem đến cho con người cả "bão lũ" lẫn "phù sa".

Sông Mã còn nổi tiếng bởi gắn liền với cầu Hàm Rồng – cây cầu là chứng nhân của lịch sử dân tộc hơn 100 năm qua. Từ đầu thế kỷ XX, Tản Đà đã say đắm dòng sông, cây cầu trong các thi phẩm: *Qua cầu Hàm Rồng hứng bút, Nhớ cảnh Hàm Rồng* (*An Nam tạp chí*, 1932). Tuy nhiên, khác với cảm nhận đầy lãng mạn, phong tình của Tản Đà ("Ai xui ta nhớ Hàm Rồng/ Muốn trông chẳng thấy cho lòng khôn khuây"), trong kiến tạo cảnh quan của Nguyễn Minh Khiêm, cầu Hàm Rồng còn gắn với những chiến công và hy sinh của quân dân Thanh Hóa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Các bài *Hát ở nghĩa trang Hàm Rồng*, *Nghĩ về bảo tàng Hàm Rồng chiến thắng* hay *Viết trên đê Nam Ngạn* không chỉ vẽ nên chiều kích/tầm cỡ của chiến thắng Hàm Rồng, mà còn cho thấy nhiều hy sinh mất mát, nhiều đóng góp của người Thanh Hóa trong cuộc kháng chiến chống xâm lược đầy gian khổ, ác liệt. *Hát ở nghĩa trang Hàm Rồng* tạo dựng được không gian tâm linh thành kính khiến người đọc không khỏi xúc động. Ở đó, người đang sống và người đã khuất như có sự giao hòa máu thịt: "Các anh đang lắng nghe bằng xương máu của mình/ Chúng tôi hát bằng trái tim được hưởng niềm vui từ xương máu ấy" (*Hát ở nghĩa trang Hàm Rồng*). Từ hành động tưởng niệm người đã ngã xuống, bằng những suy tư và liên tưởng sâu sắc, nhà thơ thức tỉnh con người về thái độ sống, ứng xử sao cho sự hy sinh không thành uổng phí. Câu hỏi "Sẽ trưng bày gì trong Bảo tàng Hàm Rồng chiến thắng?" được láy nhiều lần trong bài *Nghĩ về bảo tàng Hàm Rồng chiến thắng* như một sự băn khoăn, một lời nhắc nhở về việc giáo

dục lòng yêu nước cho các thế hệ sau. Câu hỏi cũng có thể khơi gợi hứng thú tìm hiểu về Bảo tàng hay suy tư về cách cắt nghĩa trận đánh của cả đối phương. Rõ ràng, Nguyễn Minh Khiêm không tái tạo cảnh quan chỉ ở lớp ngôn ngữ biểu đạt bề mặt.

Trong thơ Nguyễn Minh Khiêm, sông Mã được kiến tạo như một "dòng chảy văn hóa", mang chiều sâu lịch sử và bản sắc Xứ Thanh. Từ cảm nhận gần gũi, đời thường đến suy tư, triết lý, nhà thơ đưa dòng sông ấy trở thành biểu tượng hội tụ giá trị địa – văn hóa, là nơi lưu giữ ký ức lịch sử của con người nơi đây. Đó cũng là cách nhà thơ thể hiện sự trân quý, gắn bó sâu nặng với dòng sông Xứ sở.

3.2.3. Không gian biển Xứ Thanh

Xứ Thanh nổi tiếng với biển Sầm Sơn – một vùng biển đẹp, bãi cát mịn trải dài, có đền Độc Cước linh thiêng, có hòn Trống Mái đã đi vào huyền thoại. Nhưng không gian biển còn mở rộng đến nhiều địa danh khác. Với *Hòn Trống Mái, Chiều Sầm Sơn, Bác Hồ trong ký ức Sầm Sơn, Hòn Mê ơi biển đang trở gió, Từ Thức, Trước hòn Trống Mái...,* Nguyễn Minh Khiêm đã tái dựng nhiều cảnh quan biển đẹp nổi bật, đặc trưng của vùng đất này. Tuy vậy, khác với nhà nhiếp ảnh hay họa sĩ, điêu khắc chú trọng màu sắc, ánh sáng, hình khối, nhà thơ vẽ bằng nghệ thuật ngôn từ, nên bên cạnh những thành tố hữu hình cấu thành không gian, còn có cả những yếu tố vô hình. Bài *Hòn Trống Mái* là một ví dụ. Đã có rất nhiều thi phẩm về hai hòn đá nổi tiếng này trong thơ Việt Nam hiện đại, chẳng hạn:

"Hòn Trống nghiêng nghiêng nhìn âu yếm
Hòn Mái cui cúi vẻ làm duyên
Cái nhìn đắm say bao năm tháng
Vượt trên mưa nắng vẫn vững bền."

(*Hòn Trống Mái* – Hoàng Ngọc Tuấn)

Hay: "Sầm Sơn
Cõng đá lên non
Một cặp trống mái một hòn Vọng phu
Em trèo lên
Đỉnh phù du
Hóa mây trắng
Giữa âm u cõi người
Ta
Người thơ mải rong chơi
Xuống biển
Làm hạt cát mời cô đơn..."

(*Lục bát bên hòn Trống Mái* – Nguyễn Việt Chiến)

Nhưng với *Hòn Trống Mái*, Nguyễn Minh Khiêm vẫn đem đến bất ngờ cho người đọc bởi một cảm nhận rất khác. Hai hòn đá không hiện ra là những khách thể vô

giác, nhà thơ như đã liên tưởng tới một câu chuyện của ký ức, cả nhiều tình cảnh éo le và nỗi đau chia cắt trong chiến tranh. Bởi ngay những dòng đầu của bài thơ đã vang lên một câu hỏi nhói buốt: "Cái khoảng cách tưởng chừng không thể có/ Mà suốt đời chẳng được cùng nhau/ Có phải thế mà đôi chim hóa đá/ Câm lặng đi cho đỡ lòng đau?". Bài thơ giàu suy tư, từ quá khứ mấy nghìn năm, tác giả liên tưởng đến thực tại, đến một gia cảnh, một số phận cụ thể với nỗi đau ngăn cách muôn đời ("Mấy mi-li-mét thành cách ngăn vĩnh cửu"). Những ví von như "hai giọt lệ bầm khô", "hai khối linh hồn" và niềm an ủi "Hóa đá rồi cũng đỡ cô đơn" càng khiến cảnh vật trở thành một thiên tình cảm động, để lại niềm cảm thương khôn nguôi trong người đọc. Nguyễn Minh Khiêm đã góp phần làm cho cảnh quan biển Xứ Thanh thêm đặc sắc. Nói cách khác, Hòn Trống Mái từ một cấu trúc địa chất thành biểu tượng văn hóa, gắn với truyền thuyết và cảm thức đau thương của con người đã được kiến tạo theo cách riêng, đặc sắc trong thơ Nguyễn Minh Khiêm.

Nhìn từ lý thuyết cảnh quan, biển đảo không chỉ là một không gian địa lý tự nhiên mà còn là không gian địa – chính trị, nơi hội tụ các vấn đề về chủ quyền, an ninh biển đảo. Trong điểm nhìn của Nguyễn Minh Khiêm, đảo Mê đầy sóng và gió ("bão có thể ập vô bất cứ lúc nào/ sóng thần vẫn đêm ngày rình rập") được tái hiện gắn với nhiệm vụ giữ gìn biển đảo Tổ quốc thiêng liêng của người lính: "vẫn biết các anh đối mặt quen rồi/ quen trắng đêm quen bất ngờ báo động/ quen cái nhìn thăm thẳm phía đảo xa/ quen bất trắc thình lình ập tới" (*Hòn Mê ơi biển đang trở gió*). Điệp từ "quen" lặp lại nhiều lần nhằm nhấn mạnh hoàn cảnh thường trực đối mặt với thử thách khi bảo vệ biên cương thiêng liêng của đất nước. Trong bối cảnh hiện đại, khi vấn đề chủ quyền biển đảo và an ninh Tổ quốc ngày càng được quan tâm, "Cái nhìn thăm thẳm" hướng về nơi đầu sóng ngọn gió của những người lính ấy là biểu hiện của lòng yêu tổ quốc nồng nàn, cháy bỏng. Nguyễn Minh Khiêm có lẽ cũng là một trong số ít những người làm thơ về hòn đảo này. Điều này cho thấy nhà thơ đã bắt nhịp một tư duy mới về đất nước – đất nước luôn gắn liền với biển và hải đảo.

Nhìn chung, không gian biển trong thơ Nguyễn Minh Khiêm không chỉ là không gian tự nhiên, thiên nhiên, mà là không gian sinh tồn của con người, là không gian gắn với huyền thoại, truyền thuyết, gắn với công cuộc bảo vệ và dựng xây đất nước, gắn với Bác Hồ – vị Cha Già của dân tộc, người đã nhiều lần về thăm Thanh Hóa và dành tình cảm tin yêu cho đất và người Xứ Thanh. Từ tình yêu xứ sở, Nguyễn Minh Khiêm đã đưa Sầm Sơn trở thành vùng biển giàu sinh thái, lan tỏa cảnh sắc quê hương tới các địa phương khác trong nước.

3.2.4. Không gian văn hóa – lịch sử Xứ Thanh

Rất nhiều tên đất, tên người của Xứ Thanh xuất hiện trong thơ Nguyễn Minh Khiêm. Đó là động Từ Thức (*Từ Thức*), hang cá thần (*Cá thần*), Trạng Quỳnh (*Viếng Cống Quỳnh*), đền Lũng Nhai (*Lũng Nhai, Từ cửa đền lịch sử chúng tôi đi*), Lam Kinh,

nhà Hậu Lê (*Nếu không về Lam Kinh, Nghĩ ở hang Lê Lợi, Suối Láu*), Thành nhà Hồ (*Chuyện kể ở thành nhà Hồ, Hỏi ở thành nhà Hồ*), Hàm Rồng (*Hát ở nghĩa trang Hàm Rồng, Nghĩ về bảo tàng Hàm Rồng chiến thắng*), Nam Ngạn (*Viết trên đê Nam Ngạn*)... Đặt các địa danh, nhân vật trong giao điểm giữa quá khứ và hiện tại, Nguyễn Minh Khiêm cho thấy mỗi địa danh, mỗi con người đều vừa thấp thoáng bóng dáng của lịch sử, vừa rất gần gũi với hiện tại. Ở đó có thể ngời lên những giá trị vượt thời gian, có khi gợi ra một bài học, có khi nhắc nhở một thái độ... Và ông nhận thấy: "Mỗi một vùng đất tôi qua/ Mỗi làng tôi đến mở ra không cùng" (*Lũng Nhai*). Cái "không cùng" mà Nguyễn Minh Khiêm nói đến ở đây bao gồm cả lớp sương mù của lịch sử lẫn sức sống và giá trị dài rộng, bất diệt.

Tái hiện lịch sử triều đại nhà Hồ, Nguyễn Minh Khiêm xúc động hoài cảm: "Nhìn hoa mà thương chuyện cũ/ Thành Hồ chất ngất mây bay" (*Hoa mẫu đơn trắng trước đền Bình Khương*). Ở đây, "hoa" không đơn thuần là đối tượng thẩm mỹ, "Thành Hồ" cũng không chỉ là dấu tích địa lý mà đều là kí hiệu văn hóa gợi nhắc quá khứ. Đặt trong bối cảnh hiện đại, "mây bay" phủ lên "Thành Hồ" vừa tạo vẻ đẹp cổ kính, vừa gợi cảm giác mong manh của những giá trị truyền thống trước sự biến đổi của thời gian. Từ góc độ này, có thể thấy, cảnh quan gắn với một chủ thể quan sát mang ý thức bảo tồn bản sắc vùng miền. Nguyễn Minh Khiêm cũng dành nhiều suy tư về những khuất lấp của lịch sử (*Chuyện kể ở Thành nhà Hồ, Núi Đốn*). Những bài thơ nhiều hàm ý cho thấy, hơn 600 năm đã trôi qua nhưng những di tích và địa danh gắn với nhà Hồ vẫn là một ẩn số.

Về triều Hậu Lê, đặc biệt là di tích Lam Kinh, nhà thơ tiếp tục thiêng hóa không gian. Cảnh quan được tái hiện vừa rêu phong cổ kính, vừa nguyên vẹn thanh tân: "những cung điện, ngai vàng, đền đài nguy nga, tráng lệ" được đặt cạnh "cây đa nghìn năm buông rễ" và: "Sông Lường vẹn nguyên./ Rừng Lam vẹn nguyên./ Những bia đá vẹn nguyên./ Những chứng tích lịch sử lộ thiên chưa cần khảo cổ./ Bao nhiêu đời vua Lê, quy tụ về đầy đủ bấy nhiêu nấm mộ." (*Nếu không về Lam Kinh*). Không gian Lam Kinh linh thiêng được tạo bởi sự hiện hữu của cha ông, của hồn núi sông và tâm thế kính ngưỡng của hậu thế. Từ "vẹn nguyên" lặp lại nhiều lần như một khẳng định chắc chắn về sự bền vững của vùng đất Lam Sơn – nơi Lê Lợi dấy binh chống quân Minh xâm lược và chiến thắng, trở thành kinh đô của nhà Hậu Lê – trước thời gian và lịch sử.

Tín ngưỡng thờ cúng phong phú là một nét đẹp trong đời sống văn hóa Xứ Thanh. Điều này đã được Nguyễn Minh Khiêm thể hiện đầy tự hào trong bài thơ nổi tiếng *Cứ về Thanh Hóa một lần*:

"Đâu cũng thần núi thần sông
Đâu cũng truyền thuyết thêu trong dệt ngoài
(...)
Biển thì Độc Cước phân thân
Núi thì để lại dấu chân Phật Bà

Vượt sông thì vượt Hang Ma
Vượt biển thì phải vượt qua Thần Phù".

Núi, sông, biển, hang động trong đoạn thơ được nhìn từ con mắt của người gắn bó, am hiểu và tự hào về quê hương Thanh Hóa. Chủ thể trữ tình coi thiên nhiên như một mã văn hóa và nhận ra nơi đây: "đâu cũng truyền thuyết thêu trong dệt ngoài". Cách diễn đạt này khiến cho cảnh vật trở thành nơi lưu giữ ký ức tập thể, qua nhiều thế hệ. Hơn nữa, việc cảm nhận núi, sông, biển mang linh hồn, dấu tích của thần Phật nói lên một đặc tính nổi bật về cách sống của người Xứ Thanh: con người sống gắn bó, hài hòa với tự nhiên trong một đời sống tinh thần, tâm linh rất phong phú.

Trong nhiều bài khác, Nguyễn Minh Khiêm tạo dựng cảnh quan làng gắn với các hoạt động tín ngưỡng dân gian phổ biến như tín ngưỡng thờ thần Bếp (*Ba ông bếp*), tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng (*Đình làng*), tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương (*Chạng vạng*)... Hình ảnh "cá chép hóa rồng" (*Chạng vạng*) gợi sự tích ông Táo về trời, đồng thời biểu trưng cho sự thăng hoa, cho khát vọng vươn lên của người Thanh Hóa. Sinh hoạt văn hóa ở đình làng là một nét văn hóa đặc sắc của các vùng quê Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Nguyễn Minh Khiêm miêu tả đình làng như là "sân khấu", nơi dân làng tự kể câu chuyện của mình qua các vai diễn: "Người lẳng mình vào Mẹ Đốp, Xúy Vân/ Người sắc sảo vai Bà Trưng, Bà Triệu/ Chúng tôi lớn lên từ khoai, từ sắn/ Từ cơm hẩm, cà hôi trong Dương Lễ, Lưu Bình" (*Đình làng*). Ở đây, không gian sân đình được nhìn từ vị thế của dân làng – chủ thể trực tiếp diễn xướng và lưu giữ ký ức văn hóa. Không chỉ vậy, việc những con người bình dân "lớn lên từ khoai, từ sắn" hóa thân vào các nhân vật lịch sử, truyền thuyết được nhà thơ nhìn nhận như một khẳng định về vị thế của người nông dân trong dòng chảy lịch sử dân tộc. Từ những thân phận lam lũ, họ bước vào nơi chốn quen thuộc để sáng tạo văn hóa và diễn giải lịch sử. Ngay cả âm sắc địa phương, theo nhà thơ, cũng là thứ rất cần được lưu giữ (*Quê choa*).

Có thể nói, Nguyễn Minh Khiêm đã kiến tạo không gian Xứ Thanh với những chỉ dấu riêng về văn hóa – lịch sử. Mỗi vùng đất hôm nay đều in bóng chiều sâu lịch sử, là nơi lưu giữ bản sắc vùng miền, khẳng định khí chất/căn tính con người Xứ Thanh. Nguyễn Minh Khiêm đã thể hiện tất cả điều ấy bằng niềm yêu kính và tự hào mãnh liệt về quê hương xứ sở.

4. KẾT LUẬN

Nguyễn Minh Khiêm đã định dạng hầu hết các nét cảnh quan mang dấu ấn riêng biệt của Xứ Thanh. Tuy vậy, việc phân chia thành các dạng cảnh quan trong thơ ông chỉ có tính tương đối. Thực tế, các dạng cảnh quan luôn được kiến tạo bằng rất nhiều chất liệu, bao gồm cả cảnh quan thiên nhiên, cảnh quan chứa đựng trầm tích văn hóa, lịch sử, cảnh quan mang dấu ấn và tình cảm của chủ thể sáng tạo... Kiến tạo cảnh quan Xứ Thanh, nhà thơ đồng thời xác lập nhiều nét đặc trưng của người Thanh Hóa. Dưới

ngòi bút của Nguyễn Minh Khiêm, Xứ Thanh hiện lên với tất cả sự đa dạng về địa hình, giàu có về danh lam thắng cảnh, dồi dào phong tục, tín ngưỡng, con người có bản sắc riêng và không ít trong số đó đã trở thành danh nhân văn hóa lịch sử. Điều này cho thấy Nguyễn Minh Khiêm gắn bó máu thịt với nơi chôn rau cắt rốn, có tâm hồn thi sĩ nhạy cảm và năng lực thẩm mỹ cao để có thể phát hiện và kiến tạo cái đẹp trong những gì đời thường, bình dị, quen thuộc nhất. Thơ Nguyễn Minh Khiêm có thể xem là những chỉ dấu địa – văn hóa, là lời mời gọi, là phương tiện lan tỏa vẻ đẹp và bản sắc văn hóa Xứ Thanh tới người đọc cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Hà Nguyễn. (2016). *Tiểu vùng văn hóa Xứ Thanh.* Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.

Nguyễn Hà. (2023). *Lý thuyết cảnh quan - Một góc nhìn mới trong nghiên cứu văn học và điện ảnh*. https://vovworld.vn/vi-VN/tap-chi-van-nghe/ly-thuyet-canh-quan-mot-goc-nhin-moi-trong-nghien-cuu-van-hoc-va-dien-anh-2037980.vov5

Nguyễn Minh Khiêm. (2024). *Thơ (giai đoạn 1980 - 2022).* Nhà xuất bản Thanh Hóa.

Nguyễn Thị Thu Thủy, & Hoàng Cẩm Giang. (chủ biên, 2023). *Cảnh quan Việt Nam trong văn học và điện ảnh - Những tiếp cận xuyên văn hóa*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Thị Thủy Tiên. (2025). *Trải nghiệm cảnh quan Hà Nội trong tiểu thuyết Chinatown và Thang máy Sài Gòn của Thuận*. https://lyluanphebinh.vn/tin-tuc/tac-gia-tac-pham/3168/trai-nghiem-canh-quan-ha-noi-trong-tieu-thuyet-chinatown-va-thang-may-sai-gon-cua-thuan

Denis E. Cosgrove. (1998). *Social formation and symbolic landscape*. The University of Wisconsin Press.

Hirsch, E., & O'Hanlon, M. (1995). *Anthropological studies of landscape: perspectives on space and place*. Oxford: Clarendon Press.

Mitchell (1994). *Landscape and power*. University of Chicago Press.

Yi-Fu Tuan. (1997). *Space and Place - the Perspective of Experience*. Published by the University of Minnesota Press.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.
Thông tin tài trợ: Nghiên cứu này không nhận được tài trợ từ bên ngoài.